

Bản án số: 120/2018/HS-PT
Ngày 23-7-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cảnh

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Đức Kỳ
Ông Trần Minh Long

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:***
Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 23/7/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 107/2018/TLPT-HS ngày 15/6/2018 đối với bị cáo Trần Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2018/HS-ST ngày 10/5/2018 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- ***Bị cáo có kháng cáo:***

Trần Văn T, sinh ngày 20/10/1986 tại thành phố Đà Nẵng; Nơi cư trú: Tổ 06, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng; Trình độ văn hóa: 09/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Con ông Trần Văn E (c) và bà Trần Thị N (c); Có vợ là Phạm Thị T; Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 10 phút ngày 25/01/2018, Trần Văn T lái xe ô tô BKS 43X – 0069 chở xe mô tô của khách từ trạm trung chuyển phía Bắc hầm Hải Vân thuộc Thị trấn C, huyện L, tỉnh Thừa Thiên Huế sang trạm trung chuyển phía nam hầm Hải Vân thuộc phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng. Khi cho xe mô tô của khách lên xe trung chuyển tại trạm phía Bắc, T phát hiện xe mô tô hiệu Lead, BKS 75R1 – 27037 của chị Nguyễn Thị N không khóa cốp xe và bên trong có một túi xách đựng tài sản nên T nảy sinh ý định trộm túi xách của chị N. Khi xe chạy qua khỏi miệng

hầm phía Nam khoảng 01km (đoạn giữa cầu số 4 và cầu số 5, thuộc phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng), T cho xe ô tô dừng lại rồi đi ra phía sau mở cốp xe của chị N rồi lấy túi xách bỏ vào cabin xe ô tô. T tiếp tục điều khiển xe ô tô và mở túi xách ra kiểm tra thì phát hiện bên trong có tiền và vàng. Khi đến phía trước trạm dừng chân Mêkong, T cho xe dừng lại, lấy túi xách đem giấu vào bìa rừng, rồi tiếp tục điều khiển xe ô tô trung chuyển về trạm dừng chân để trả xe mô tô cho khách. Sau khi nhận lại xe, chị N cùng anh Trần Huỳnh D điều khiển xe đến tiệm xe máy T (quận K, thành phố Đà Nẵng) thì phát hiện túi xách trong cốp xe bị mất và bên trong có 05 nhẫn vàng, 01 dây chuyền vàng, 01 mặt dây vàng và số tiền 10.500.000đ nên chị N đến Công an phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng trình báo sự việc. Tại cơ quan công an, Trần Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đã giao nộp toàn bộ số tài sản chiếm đoạt.

Theo Kết luận số 10/KL-HĐĐG ngày 01/02/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận C, thành phố Đà Nẵng xác định: 04 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng được xác định là vàng 9999 có giá trị là 14.400.000đ; 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng được xác định là vàng 14k có giá trị là 1.100.000đ; 01 sợi dây chuyền + mặt dây chuyền có đính đá 04 ly bằng kim loại màu vàng được xác định là vàng có giá trị 2.880.000đ và giá trị sử dụng còn lại của 01 túi xách đã qua sử dụng bằng da, màu xanh có chữ V là 136.000đ. Tổng giá trị tài sản các tài sản này là 18.516.000đ.

Như vậy, tổng giá trị tài sản mà bị cáo T đã chiếm đoạt là **29.016.000đ**.

Tại Bản án sơ thẩm số 43/2018/HS-ST ngày 10/5/2018 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Trần Văn T 15 (Mười lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo bản án.

Ngày 21/5/2018, bị cáo Trần Văn T có đơn kháng cáo với nội dung: Án sơ thẩm xử nặng, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Văn T theo đúng thủ tục và trong thời hạn kháng cáo nên đảm bảo hợp lệ. Xét về nội dung đơn kháng cáo của bị cáo thì thấy bị cáo đã trộm cắp tài sản của người bị hại với tổng giá trị tài sản là 29.016.000đ nên Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2018/HS-ST ngày 10/5/2018 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng tội. Mức án 15 tháng tù cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo Trần Văn T vẫn giữ nguyên kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đơn kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Trần Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do đó HĐXX có đủ cơ sở để khẳng định: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 25/01/2018, tại hầm đường bộ Hải Vân thuộc phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng, trong lúc vận chuyển xe trung chuyển cho khách, Trần Văn T thấy xe của chị Nguyễn Thị N không khóa cốp và trong cốp xe có để một túi xách nên T đã lấy trộm túi xách của chị N, bên trong túi có 04 chiếc nhẫn vàng 9999 trị giá 14.400.000đ; 01 chiếc nhẫn vàng 14k trị giá 1.100.000đ; 01 sợi dây chuyền vàng và mặt dây chuyền vàng có đính đá 04 ly trị giá 2.880.000đ; số tiền 10.500.000đ và 01 túi xách da đã qua sử dụng trị giá 136.000đ. Tổng giá trị tài sản mà Trần Văn T đã chiếm đoạt là 29.016.000đ. Vì vậy, Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2018/HS-ST ngày 10/5/2018 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã xét xử bị cáo Trần Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo Trần Văn T thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội. Vì vậy đối với bị cáo cần phải xử phạt thỏa đáng để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên xét thấy việc bị cáo phạm tội chỉ là bộc phát, nhất thời. Khi phát hiện cốp xe của người bị hại không khóa và có để túi xách nên bị cáo mới nảy sinh việc lấy trộm. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Mặt khác, khi cơ quan điều tra mời lên làm việc bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình và giao nộp toàn bộ tài sản để trả lại cho người bị hại, điều này thể hiện sự ăn năn hối cải của bị cáo; người bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; nhân thân bị cáo tốt chưa có tiền án tiền sự; bị cáo đang có công việc làm và nơi cư trú ổn định, là lao động chính trong gia đình nên chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội mà cho bị cáo được cải tạo, giáo dục tại địa phương cũng thỏa đáng. Do đó, HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng chuyển cho bị cáo được hưởng án treo.

[3]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điểm b Khoản 1 Điều 355 và Điểm e Khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn T, sửa án sơ thẩm.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Trần Văn T 15 (Mười lăm)** tháng tù về tội “**Trộm cắp tài sản**” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm hôm nay, ngày 23/7/2018.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo Trần Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV – CA Tp Đà Nẵng;
- CQ THAHS – CA quận Liên Chiểu;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- CQCSĐT Công an quận Liên Chiểu;
- Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu;
- Vụ GDKT I – TAND tối cao;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cảnh

